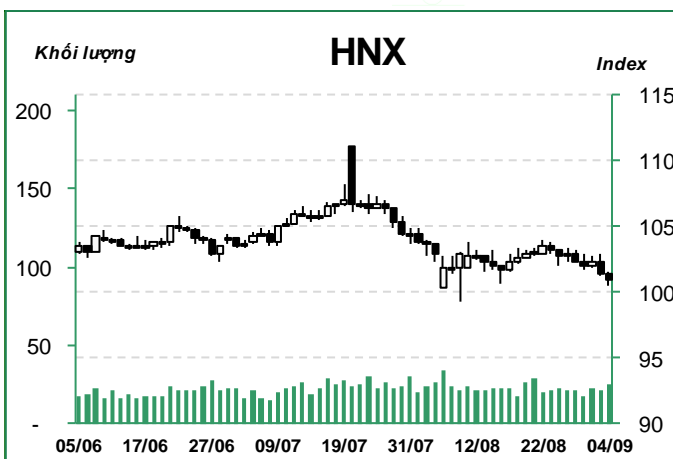
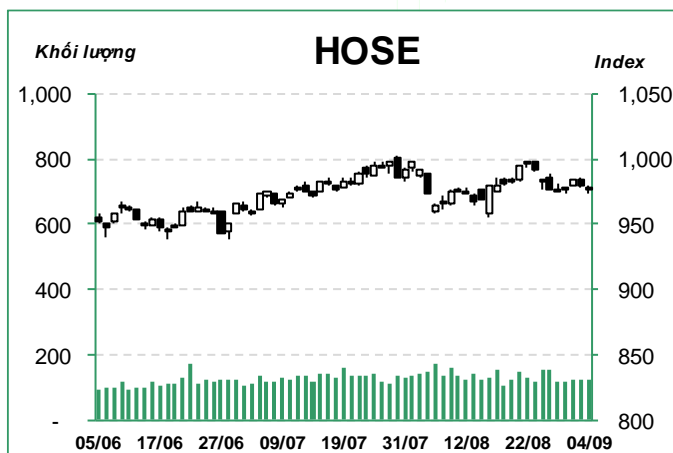


Tổng quan thị trường

04/09/2019	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	977.63	-0.18%	887.12	-0.21%	100.95	-0.45%
Cuối tuần trước	984.06	-0.65%	892.51	-0.60%	102.32	-1.34%
Trung bình 20 ngày	980.62	-0.30%	887.92	-0.09%	102.43	-1.45%
Tổng KLGD (triệu cp)	157.39	-15.56%	65.81	-29.15%	32.68	4.44%
KLGD khớp lệnh	121.83	-3.42%	41.23	-9.91%	24.79	21.00%
Trung bình 20 ngày	130.67	-6.76%	49.21	-16.21%	22.02	12.58%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	3,801.83	-15.04%	2,356.88	-23.54%	514.19	23.99%
GTGD khớp lệnh	2,491.99	1.01%	1,356.04	-7.42%	329.73	23.99%
Trung bình 20 ngày	2,850.67	33.37%	1,686.43	39.76%	300.66	71.02%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	129	35%	11	37%	47	13%
Số mã giảm	188	51%	18	60%	89	24%
Số mã đứng giá	50	14%	1	3%	232	63%



Tiếp nối đà giảm trong phiên hôm qua, áp lực bán gia tăng từ đầu phiên khiến thị trường giảm điểm trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ Trung trở nên căng thẳng hơn sau khi Bắc Kinh kiện Washington lên tổ chức WTO và ông Trump cho biết ông từng muốn tăng thuế lên 50% với hàng Trung Quốc và sẽ có hành động quyết liệt hơn với Trung Quốc. Ngoài ra, đà bán ròng liên tiếp của khối ngoại cũng tạo áp lực lớn lên thị trường.

Đà giảm của VN-Index được hỗ trợ bởi ngưỡng 975 điểm, khi chỉ số thủng ngưỡng này lực cầu đẩy chỉ số đảo chiều thu hẹp một phần đà giảm. Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 977.63 điểm (-0.18%), với KLGD khớp lệnh đạt 121.8 triệu cổ phiếu (-3.4%), tương đương 2,492 tỷ đồng giá trị (+1.0%).

Nhóm thực phẩm đồ uống nổi bật là SABECO-SAB (-3.3%) bất ngờ giảm mạnh về cuối phiên cùng VINAMILK-VNM (-0.2%), HABECO-BHN (-0.5%) kéo thị trường đi xuống. Bên cạnh đó, nhóm vận tải gồm Vietnam Airline-HVN (-2.4%), Vietjet Air-VJC (-1.2%), Ảnh Dương Việt Nam-VNS (-2.9%) xếp thứ 2 về mức độ ảnh hưởng đến chỉ số. Cổ phiếu nhóm BĐS khu công nghiệp với TCT Đô thị Kinh Bắc-KBC (-1.3%), Đầu tư CN Tân Tạo-ITA (-2.7%), Sonadezi Long Thành-SZL (-6.9%) tiếp tục bị chốt lời và dẫn đầu đà giảm. Trái lại, nhóm bất động sản Vinhomes-VHM (+1.6%), Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)-NVL (+0.3%), Đầu tư kinh doanh Nhà-ITC (+6.7%) và dầu khí PV Gas-GAS (+0.6%), Khoan Dầu khí PVDrilling-PVD (+1.4%), Lắp máy Dầu khí-PXS (+4.8%) hỗ trợ chỉ số.

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trên sàn HOSE với giá trị 37 tỷ đồng sau phiên bán ròng 1.8 tỷ trước đó. Lực bán tập trung

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VHM	6,020.0	523.76
VPB	9,310.1	188.87
EIB	4,800.0	81.60
CTI	3,062.6	70.44
PDR	1,820.0	47.96
BWE	1,500.0	42.00
NVL	690.0	41.02
HDB	1,410.0	37.34
VNM	247.7	30.60
VJC	200.0	26.06
HNX		
PVI	3,697.7	112.78
DNP	2,500.0	36.00
LHC	160.0	9.92
AMV	490.0	8.92
GKM	546.6	8.09
NDN	171.0	3.17
VC3	132.0	2.98
MBS	100.0	1.57
VMC	40.0	0.44
TTZ	25.0	0.23

ở các mã HPG (-42.7 tỷ), VCB (-15.2 tỷ), VRE (-11.5 tỷ), trái lại, VNM (+25.2 tỷ), VHM (+19.6 tỷ), NVL (+7.5 tỷ) được mua ròng nhiều nhất.

HNX-Index có diễn biến tiêu cực hơn và mức độ giảm cũng mạnh hơn VN-Index, chỉ số chìm trong sắc đỏ hầu hết phiên giao dịch. Chốt phiên, HNX-Index đóng cửa tại mức 100.95 điểm (-0.45%), với KLGĐ khớp lệnh đạt 24.8 triệu cổ phiếu (+21.0%), tương đương 329.7 tỷ đồng giá trị (+24.0%).

Cổ phiếu đầu ngành gạch men VICOSTONE-VCS (-6.2%) giảm mạnh cùng với nhóm xây dựng Licogi 14-L14 (-10.0%), Công ty Thống Nhất-BAX (-9.9%), Xây lắp dầu khí VN-PVX (-7.1%) kéo thị trường đi xuống. Ngoài ra, nhóm chứng khoán gồm Chứng khoán SG - HN-SHS (-2.6%), Chứng khoán Everest-EVS (-2.0%), Chứng khoán Phố Wall-WSS (-9.5%) cũng có diễn biến tiêu cực. Trái lại, nhóm dầu khí gồm DVKT Dầu khí PTSC-PVS (+1.0%), Bọc ống Dầu khí Việt Nam-PVB (+2.0%) và các cổ phiếu vốn hóa lớn như Bảo hiểm PVI-PVI (+0.9%), Khách sạn Sài Gòn-SGH (+8.0%), Xây dựng TASC0-HUT (+4.5%) hỗ trợ chỉ số.

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 17.8 tỷ đồng, lực bán tập trung ở mã PVS (-6.3 tỷ), CEO (-5.3 tỷ), NDN (-3.6 tỷ); ngược lại, HUT (+1.4 tỷ), BVS (+0.1 tỷ), PHP (+0.0 tỷ) được mua ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch suy giảm và duy trì dưới bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền khá thận trọng. Không những vậy, các tín hiệu kỹ thuật khác cũng đang tiêu cực, như MACD nằm dưới Signal và đường +DI nằm dưới -DI, cho thấy áp lực điều chỉnh đang gia tăng. Tuy nhiên, khi quan sát kĩ trên đồ thị nến ngày, chỉ số đang xuất hiện cây nến Doji với bóng nến dưới khá dài tại vùng hỗ trợ quanh 977 điểm (MA50), cho thấy chỉ số đang có sự lưỡng lự và giằng co tại vùng hỗ trợ hiện tại. Do đó, nhà đầu tư nên quan sát kĩ diễn biến của chỉ số tại vùng hỗ trợ trên trước khi có quyết định với các vị thế sẵn có. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số tiếp tục có phiên giảm điểm và duy trì đóng cửa dưới MA20, cho thấy xu hướng giảm điểm của chỉ số đang gia tăng, ngưỡng hỗ trợ gần có thể quanh ngưỡng tâm lý 100 điểm. Nhìn chung, phiên giảm điểm 04/09, cho thấy xu hướng của thị trường có dấu hiệu suy yếu. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc giữ tỷ trọng ở mức hợp lý nhằm có sự phòng vệ tốt trước các rủi ro bất ngờ từ thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VDP	38.4	3.8	7.0%
TIX	30.0	0.1	7.0%
TDW	22.5	0.0	6.9%
CMX	33.5	61.3	6.9%
YEG	57.7	129.5	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HRC	33.6	1.0	-6.9%
SZL	52.4	302.0	-6.9%
FTM	8.8	0.1	-6.9%
AGF	3.1	0.8	-6.9%
CEE	14.3	3.3	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ROS	26.3	296.6	-3.0%
HPG	21.6	126.6	-0.2%
FPT	53.2	88.8	-0.9%
VHM	89.0	76.1	1.6%
MBB	23.0	75.3	0.9%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ROS	26.3	11,325.2	-3.0%
HPG	21.6	5,849.5	-0.2%
FLC	3.7	4,199.2	-1.6%
ITA	3.2	3,717.4	-2.7%
DLG	1.6	3,499.0	-0.6%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.5	497.7	25.0%
PGN	9.9	10.7	10.0%
GMX	27.5	0.4	10.0%
QHD	16.7	1.2	9.9%
C69	20.1	699.2	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DPS	0.4	914.7	-20.0%
NHP	0.6	120.7	-14.3%
VIG	0.9	145.4	-10.0%
NBP	12.6	0.1	-10.0%
L14	56.7	321.7	-10.0%

Top 5 giá trị

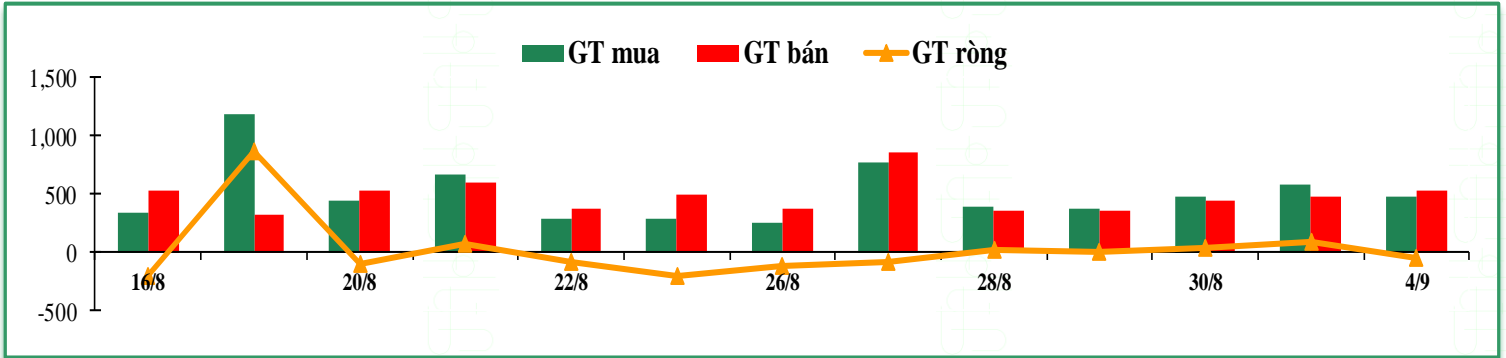
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	82.1	72.4	-6.2%
PVS	20.7	37.6	1.0%
CEO	9.9	32.2	0.0%
L14	56.7	18.4	-10.0%
NDN	17.1	16.0	0.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CEO	9.9	3,214.0	0.0%
SHB	6.3	2,036.4	1.6%
PVS	20.7	1,826.4	1.0%
NVB	7.2	1,309.1	0.0%
HUT	2.3	1,204.5	4.6%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	470.5	18.9%	507.6	20.4%	-37.0
HNX	2.6	0.8%	20.3	6.2%	-17.8
Tổng số	473.1		527.9		-54.8



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	123.8	61.8	-0.2%
VHM	89.0	48.2	1.6%
HPG	21.6	40.3	-0.2%
VJC	130.4	39.4	-1.2%
MSN	75.0	30.2	1.4%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	21.6	82.9	-0.2%
VJC	130.4	42.0	-1.2%
VIC	122.4	37.4	-0.5%
VNM	123.8	36.6	-0.2%
VHM	89.0	28.6	1.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	123.8	25.2	-0.2%
VHM	89.0	19.6	1.6%
NVL	62.3	7.5	0.3%
GAS	100.4	6.6	0.6%
TNA	13.8	5.6	0.7%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HUT	2.3	1.4	4.6%
SHS	7.4	0.4	-2.6%
BVS	10.8	0.3	-0.9%
VCS	82.1	0.1	-6.2%
SHB	6.3	0.1	1.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	20.7	6.3	1.0%
CEO	9.9	5.4	0.0%
NDN	17.1	3.6	0.0%
SHS	7.4	2.7	-2.6%
DTD	16.0	0.9	-5.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HUT	2.3	1.4	4.6%
BVS	10.8	0.1	-0.9%
PHP	11.7	0.0	0.0%
L14	56.7	0.0	-10.0%
DHT	40.0	0.0	2.6%

Tin trong nước

Xuất khẩu cá tra sang Mỹ đến nửa đầu tháng 8 tiếp tục giảm 38,7%

Trái ngược với dự đoán của VASEP rằng việc Mỹ áp thuế với cá rô phi của Trung Quốc sẽ tạo cơ hội cho cá tra Việt Nam tại thị trường này, xuất khẩu mặt hàng này sang Mỹ đã giảm 2 con số liên tiếp trong gần 7 tháng qua.

Theo số liệu của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), tính đến nửa đầu tháng 8, giá trị xuất khẩu cá tra sang Mỹ đạt 175,9 triệu USD, giảm 38,7% so với cùng kỳ 2018. Trong quý II, giá xuất khẩu sang thị trường này có xu hướng giảm ở hầu hết mặt hàng chính, như giá cá tra phi lê cắt đông lạnh giảm về 3,01 - 5,02 USD/kg từ mức 3,14 - 5,08 USD/kg của tháng 4.

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế, Mỹ giảm nhập khẩu cá thịt trắng trong những tháng đầu năm nay từ cả Trung Quốc và Việt Nam, thay vào đó tăng mua hàng từ Na Uy, Iceland, Canada, Chilê và Nga.

Với cá tra Việt Nam, rào cản lớn xuất phát từ thuế chống bán phá giá. Cuối tháng 3, Bộ Thương mại Mỹ công bố thuế chống bán phá giá cuối cùng với cá tra Việt Nam trong đợt rà soát hành chính lần thứ 14, trong đó thuế với Hùng Vương là 3,87 USD/kg và 1,37 USD/kg với 5 công ty khác. Tương tự, cá rô phi của Trung Quốc, đối thủ lớn nhất của cá tra Việt Nam tại Mỹ, bị tăng thuế từ 10% lên 25% từ ngày 10/5.

VASEP dự báo 2 quý cuối năm, xuất khẩu sang thị trường Mỹ nhiều khả năng tiếp tục giảm với trở ngại là các rào cản thương mại và kỹ thuật.

Xuất siêu tháng 8 ước đạt 1,7 tỷ USD nhờ Galaxy Note 10

Cả nước xuất khẩu 169,98 tỷ USD trong 8 tháng, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước, nhờ sự cải thiện trong tháng 8 (24,5 tỷ USD). Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của doanh nghiệp trong nước đạt 13,9%, cao hơn nhiều so với mức tăng 4,6% của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài FDI.

Riêng tháng 8, xuất siêu ước đạt 1,7 tỷ USD, nâng con số này sau 8 tháng lên 3,4 tỷ USD. Theo Tổng cục Thống kê, kết quả này là nhờ đóng góp của nhóm hàng điện thoại và linh kiện với 33 tỷ USD, chiếm 19,4% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 37,8%, chủ yếu do Samsung đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm Galaxy Note 10.

5 mặt hàng đạt giá trị trên 10 tỷ USD chiếm gần 60% giá trị xuất khẩu. Hầu hết các mặt hàng trong nhóm nông, lâm nghiệp, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, cà phê giảm mạnh cả về giá trị (2 tỷ USD, giảm 20%) và sản lượng (giảm 10,3%).

Giá gas giảm lần thứ 3 trong năm nay

Thông tin từ các doanh nghiệp đầu mối kinh doanh gas khu vực phía nam cho hay, từ ngày 1/9, giá gas sẽ giảm nhẹ, 3.000 đồng/bình 12 kg. Bình gas 12 kg của PetroVietnam Gas có giá bán lẻ tối đa đến người tiêu dùng là 293.000 đồng, Petrolimex Gas SaiGon 303.500 đồng. Các thương hiệu gas khác như City Gas, EFF Gas cũng có giá bán lẻ không quá 300.000 đồng/bình 12 kg.

Theo Chi hội Gas miền Nam, giá gas thế giới tháng 9 công bố 350 USD/tấn, giảm 10 USD/tấn so với tháng 8. Như vậy, sau 5 tháng giá gas liên tục tăng với tổng mức tăng 42.000 đồng/bình 12 kg, đây là lần thứ ba trong năm giá gas giảm, với tổng mức giảm 55.000 đồng/bình 12 kg.

Trên thế giới, giá khí gas thiên nhiên lúc 16 giờ chiều nay (31.8) giảm 0,36% còn 2,294 USD/mmBTU (1.000 mét khối khí thiên nhiên tương đương khoảng 36 mmBTU) đối với hợp đồng phí gas tự nhiên giao tháng 9. Tuy nhiên, mức này tương đối cao so với phiên đóng trước đó có giá 2,275 USD/mmBTU.

Giá khí gas tự nhiên trên thế giới kết thúc phiên ngày làm việc cuối tuần (30.8) là 2,287 USD/mmBTU, giảm 0,57% so với ngày trước đó và giảm đến 21,58% so giá khí gas thế giới cùng kỳ năm ngoái.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vinamilk chi 3.482 tỷ để tạm ứng cổ tức trong tháng 9

Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk, HoSE: VNM) thông báo ngày 17/9 đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1/2019 tỷ lệ 20% (2.000 đồng/cp). Ngày thanh toán dự kiến 26/9.

Với 1,7 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, Vinamilk sẽ chi khoảng 3.482 tỷ đồng cho đợt thanh toán cổ tức này.

Vinamilk đã thực hiện trả cổ tức cho năm 2018 với tỷ lệ 45%. Năm nay, ĐHĐCĐ thông qua tạm ứng cổ tức cho năm 2019 gồm đợt 1 là 20% thanh toán trong tháng 9, đợt 2 là 10% thanh toán trong tháng 2/2020 và cổ tức còn lại của năm 2019 sẽ do ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 quyết định.

Tính đến 30/6, công ty có các nguồn có thể chia cổ tức gồm quỹ đầu tư phát triển 1.726,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 9.176 tỷ đồng.

Nửa đầu năm, Vinamilk ghi nhận doanh thu thuần 27.788 tỷ đồng, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế 5.701 tỷ, tăng 6,3%. So với kế hoạch năm, công ty thực hiện 49% chỉ tiêu doanh thu và 53% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế.

Bộ Giao thông đề xuất mua lại cổ phần để ACV là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước

Tại tờ trình về việc đề nghị phê duyệt Đề án giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản và kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý vừa gửi Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải đề nghị nghiên cứu xem xét lộ trình mua lại phần vốn do các cổ đông ngoài Nhà nước nắm giữ tại Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (UPCoM: ACV). Theo đó, ACV sẽ trở thành doanh nghiệp Nhà nước, để đảm bảo cao nhất về an ninh, quốc phòng cho hoạt động hàng không.

Hiện Bộ Giao thông Vận tải là cổ đông lớn nhất tại ACV với hơn 95,4% cổ phần. Với vốn hoá đóng cửa ngày 3/9 là gần 180.000 tỷ đồng, ACV hiện đứng thứ 6 về vốn hoá trên thị trường chứng khoán Việt Nam và nằm trong top những khoản nắm giữ của các quỹ ngoại hàng đầu như Dragon Capital, VinaCapital...

Sau khi ACV cổ phần hóa (tháng 4/2016), việc bảo trì, đầu tư, nâng cấp mở rộng khối tài sản này gặp khó khăn. Hiện nay, các đường cất hạ cánh, đường lăn tại các cảng hàng không lớn như Tân Sơn Nhất, Nội Bài đã vượt so với thiết kế ban đầu, xuất hiện các hư hỏng uy hiếp an toàn bay. Bộ Giao thông Vận tải đã xem xét báo cáo Chính phủ bố trí vốn đầu tư công trung hạn trong giai đoạn 2016 — 2020 và nguồn ngân sách nhà nước cho công tác bảo trì vẫn chưa được bố trí cho kết cấu hạ tầng hàng không.

Đạm Cà Mau chốt quyền chia cổ tức 9%

Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (HoSE: DCM) thông báo chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức bằng tiền năm 2018 với tỷ lệ thực hiện 9%. Với 529,4 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền doanh nghiệp chi ra hơn 476 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 26/9, ứng với ngày giao dịch không hưởng quyền 25/9. Thời gian chi trả dự kiến từ ngày 15/10.

Năm ngoái, Đạm Cà Mau ghi nhận tổng doanh thu 6.880 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế thu về 659 tỷ đồng, tăng 3%. Với kết quả đó công ty quyết định mức chi trả cổ tức năm 2018 là 9%.

Sang năm 2019, Đạm Cà Mau đặt chỉ tiêu tổng doanh thu tăng nhẹ lên 6.941 tỷ đồng nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ còn 240 tỷ đồng, giảm 64%. Riêng 6 tháng đầu năm lãi hơn 300 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ nhưng đã vượt chỉ tiêu cả năm. Kế hoạch chia cổ tức năm 2019 là 4%, tương đương với 212 tỷ đồng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	VHM	Nắm giữ	21/8/2019	89.0	86.7	2.7%	95.0	10%	82.0	-5%	Xu hướng phục hồi đang mạnh lên

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	TNA	Mua	29/8/2019	13.80	13.90	-0.7%	16.0	15%	12.9	-7%	
2	VCB	Mua	22/8/2019	77.30	80.00	-3.4%	88.1	10%	76.0	-5%	
3	VHM	Nắm giữ	21/8/2019	89.00	86.70	2.7%	95.0	10%	82.0	-5%	
4	BID	Mua	19/8/2019	38.60	36.00	7.2%	39.5	10%	34.5	-4%	
5	CVT	Nắm giữ	14/8/2019	20.00	19.80	1.0%	23.0	16%	18.9	-5%	
6	BMP	Mua	8/8/2019	49.10	49.20	-0.2%	55.0	12%	45.9	-7%	
7	VIC	Mua	24/7/2019	122.40	119.80	2.2%	128.5	7%	116.4	-3%	
8	VSC	Mua	3/9/2019	29.60	29.70	-0.3%	32.0	8%	28.4	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 04/09/2019								Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT1901	1,900	4,500	-4.66 %	137%	27,539	7	53,200	4,122	VND	FPT	45,000	2	11/09/2019
CFPT1902	3,800	8,840	1.14 %	133%	4,553	26	53,200	7,364	SSI	FPT	46,000	1	30/09/2019
CFPT1903	6,000	12,660	-3.51 %	111%	1,664	117	53,200	7,932	SSI	FPT	46,000	1	30/12/2019
CHPG1901	1,200	150	-25 %	-88%	29,784	6	21,600	(0)	MBS	HPG	22,900	2	10/09/2019
CHPG1902	1,000	510	10.87 %	-49%	10,886	98	21,600	0	KIS	HPG	41,999	5	11/12/2019
CHPG1903	1,500	110	-8.33 %	-93%	9,262	8	21,600	(0)	VPS	HPG	23,200	2	12/09/2019
CHPG1904	2,200	1,300	-12.75 %	-41%	1,470	26	21,600	0	SSI	HPG	23,100	1	30/09/2019
CHPG1905	3,300	3,450	-4.17 %	5%	1,007	117	21,600	251	SSI	HPG	23,100	1	30/12/2019
CMBB1901	1,900	2,440	-0.41 %	28%	24,763	12	23,000	2,434	SSI	MBB	20,600	1	16/09/2019
CMBB1902	3,200	3,250	1.56 %	2%	22,751	104	23,000	1,549	HSC	MBB	21,800	1	17/12/2019
CMWG1901	2,000	7,250	2.55 %	263%	6,646	5	117,900	7,415	BSC	MWG	88,300	4	09/09/2019
CMWG1902	2,990	8,800	-0.56 %	194%	81	98	117,900	7,275	VND	MWG	90,000	4	11/12/2019
CMWG1903	2,700	5,780	-0.17 %	114%	4,613	113	117,900	4,872	HSC	MWG	95,000	5	26/12/2019
CMWG1904	14,000	35,300	1 %	152%	1,314	117	117,900	24,410	SSI	MWG	95,000	1	30/12/2019
CPNJ1901	1,700	900	-19.64 %	-47%	12,368	6	82,500	753	MBS	PNJ	78,800	5	10/09/2019
CVNM1901	1,200	730	0 %	-39%	4,279	100	123,800	0	KIS	VNM	158,888	10	13/12/2019

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2018/19E (tỷ)	EPS 2018/19E	BV 2018/19E	ROE 2018/19E	ROA 2018/19E	PE 2018/19E	PB 2018/19E	Cổ tức dự kiến**
CVT (New)	HOSE	20,000	21,779	16/08/2019	164	4,456	18,327	28%	13%	4.9	1.1	25%
ANV (New)	HOSE	24,600	32,432	15/08/2019	677	5,341	16,990	31%	17%	6.1	1.9	N/A
PTB (New)	HOSE	69,500	77,941	31/07/2019	439	9,031	45,750	33%	15%	8.0	N/A	35%
PVS (New)	HNX	20,700	28,300	30/07/2019	1,356	2,837	26,976	11%	6%	10.0	1.0	7%
TNG (New)	HNX	17,800	22,378	27/07/2019	306	4,929	16,924	23%	7%	N/A	N/A	N/A
NKG (New)	HOSE	6,060	6,200	24/07/2019	41	226	16,909	1%	1%	27.0	N/A	N/A
FMC	HOSE	27,800	34,462	17/07/2019	205	4,244	17,316	25%	13%	8.1	2.0	20%
DGW	HOSE	24,000	27,415	12/07/2019	128	3,059	20,794	15%	5%	9.0	1.3	5%
VCS	HNX	82,100	74,930	10/07/2019	1,325	8,284	20,993	49%	30%	9.0	3.5	40%
MWG	HOSE	117,900	103,577	27/06/2019	3,705	8,163	24,967	33%	11%	12.7	4.1	15%
STK	HOSE	21,400	27,398	04/06/2019	211	2,980	15,841	19%	9%	9.2	1.7	15%
PHR	HOSE	62,900	55,300	23/05/2019	1,065	7,858	N/A	37%	20%	7.0	2.4	40%
HPG	HOSE	21,600	33,600	19/04/2019	8,501	4,003	N/A	23%	13%	10.0	2.6	N/A
MSN	HOSE	75,000	96,375	18/04/2019	5,206	4,476	33,331	14%	8%	22.0	2.9	N/A
GAS	HOSE	100,400	90,500	11/04/2019	11,510	6,014	N/A	24%	16%	16.0	2.6	N/A
POW	HOSE	12,900	19,100	13/03/2019	2,133	911	10,685	9%	4%	21.0	1.8	7%
CTD	HOSE	91,800	157,632	25/01/2019	1,608	21,302	117,140	19%	9%	7.4	1.3	50%
BMP	HOSE	49,100	75,200	09/01/2019	499	6,090	33,553	19%	16%	12.4	2.2	40%
CTI	HOSE	22,550	30,370	24/12/2018	139	1,789	23,470	10%	3%	16.9	1.3	10%
QNS	HOSE	30,700	47,753	21/12/2018	1,097	3,751	16,965	23%	15%	12.7	2.8	15%
ANV	HOSE	24,600	42,824	12/12/2018	588	3,890	14,795	38%	18%	12.0	2.9	20%
LHG	HOSE	17,500	27,200	05/12/2018	182	3,643	23,964	16%	9%	7.5	1.1	15%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.